

Bản án số: 08/2019/DS-ST
Ngày 18-10-2019
“V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÍ LINH, TỈNH HẢI DƯƠNG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Lâm

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Bận, ông Dương Mạnh Hà.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Đào Thị Hậu – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:* Bà Đỗ Thị Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 10 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 47/2018/TLST-DS ngày 27/12/2018 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2019/QĐXX-ST ngày 01/4/2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2019/QĐST-DS ngày 19/4/2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2019/QĐST-DS ngày 14/5/2019; Quyết định tạm đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 03/2019/QĐST-DS ngày 06/6/2019; Quyết định tiếp tục giải quyết vụ án dân sự số 12/2019/QĐST-DS ngày 03/9/2019; Thông báo về việc mở lại phiên tòa số 01/2019/TB-TA ngày 03/9/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2019/QĐST-DS ngày 27/9/2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Ngân hàng thương mại cổ phần S**

Địa chỉ: Số 266-268 N, phường 8, quận 3, thành phố H

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D – Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người được bà Nguyễn Đức Thạch D ủy quyền: Bà Vũ Thị Thu N – Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng thương mại cổ phần S chi nhánh Hải Dương.

Người được bà Vũ Thị Thu N ủy quyền lại: Ông Nguyễn Đức P – Chức vụ: Trưởng phòng giao dịch S Ngân hàng thương mại cổ phần S chi nhánh Hải Dương, ông P có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Bà **Đặng Thị H**, sinh năm 1984

Nơi cư trú: Khu dân cư số 6, phường P, thành phố C, tỉnh Hải Dương, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các bản tự khai, người đại diện của Ngân hàng thương mại cổ phần S trình bày như sau:

Ngày 30/6/2015, bà Đặng Thị H được Ngân hàng thương mại cổ phần S (sau đây viết tắt là Ngân hàng) cấp 01 thẻ tín dụng theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng đề ngày 28/5/2015 với hạn mức tín dụng là 35.000.000 đồng; mục đích để tiêu dùng. Lãi suất trong hạn là 2,5%/tháng, lãi suất quá hạn = 150% lãi suất trong hạn. Phương thức thanh toán lãi gốc: Thanh toán tối thiểu số tiền bằng 5% dư nợ vào ngày 30 hàng tháng. Quá trình thực hiện hợp đồng, tính đến hết ngày 30/6/2016 bà H đã thanh toán số tiền gốc và lãi cho Ngân Hng là 15.301.000 đồng. Dư nợ của bà H đến hết ngày 30/6/2016 là 36.514.810 đồng. Số tiền dư nợ là căn cứ tính lãi quá hạn tại thời điểm quá hạn, vi phạm điều khoản cấp thẻ. Từ tháng 7/2016 bà H không thực hiện việc trả tiền gốc và lãi theo như cam kết.

Ngày 18/8/2015, bà Đặng Thị H và Ngân hàng ký hợp đồng tín dụng số LD1523000022 với các điều khoản cụ thể như sau: Bà H vay của Ngân hàng số tiền 100.000.000 đồng với mục đích để tiêu dùng. Thời hạn vay 48 tháng. Lãi suất 1,0%/tháng, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Phương thức trả gốc và lãi: Tiền gốc và lãi được chia thành 48 kỳ, mỗi tháng trả 01 kỳ kể từ ngày vay, kỳ trả nợ đầu tiên vào ngày 18/9/2015, các kỳ tiếp theo vào ngày 18 hàng tháng, kỳ cuối trả vào ngày 18/8/2019, số tiền trả mỗi kỳ là 3.083.000 đồng, kỳ cuối là 3.099.000 đồng. Hình thức vay: Tín chấp, không có tài sản bảo đảm. Quá trình thực hiện hợp đồng, tính đến hết tháng 5/2016 bà H đã thanh toán trả Ngân hàng được 18.747.000 đồng tiền gốc và 9.000.000 đồng tiền lãi. Từ tháng 6/2016 đến nay bà H không thực hiện việc trả tiền gốc và lãi theo như cam kết trong hợp đồng tín dụng.

Hiện nay các khoản vay của bà H đã quá hạn thanh toán theo quy định tại các hợp đồng tín dụng. Ngân hàng cũng đã nhiều lần đôn đốc, nhắc nhở nhưng bà H không trả nợ. Nay, Ngân hàng yêu cầu Tòa án buộc bà H có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng các khoản tiền, cụ thể:

Đối với khoản nợ theo thẻ tín dụng: Số tiền nợ gốc là 36.514.810 đồng và tiền lãi quá hạn tạm tính đến hết ngày xét xử (18/10/2019) là 50.801.772 đồng. Bà H phải tiếp tục trả lãi cho Ngân hàng theo thỏa thuận tại điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng đối với khoản nợ gốc kể từ ngày 19/10/2019 cho đến khi thanh toán xong tiền nợ gốc.

Đối với khoản nợ theo hợp đồng tín dụng số LD1523000022 ngày 18/8/2015: Số tiền nợ gốc là 81.253.000 đồng và tiền lãi phát sinh tạm tính đến ngày xét xử (18/10/2019) là 49.659.725 đồng, trong đó tiền lãi trong hạn là 41.000.000 đồng, tiền lãi quá hạn là 8.659.725 đồng. Bà H phải tiếp tục trả lãi cho Ngân hàng theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số LD1523000022 ngày 18/8/2015 đối với khoản nợ gốc kể từ ngày 19/10/2019 cho đến khi thanh toán xong tiền nợ gốc.

Do bà H vắng mặt tại nơi cư trú nên Tòa án không lấy được lời khai của bà H và không hòa giải đối với vụ án được. Các tài liệu tố tụng của Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa: Đại diện Viện kiểm sát tham phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ thời điểm thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 90, Điều 91, Điều 95, Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470, điểm b khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí, lệ phí; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Ngân hàng. Buộc bà Đặng Thị H phải trả Ngân hàng số tiền nợ gốc vay theo thẻ tín dụng là 36.514.810 đồng và tiền lãi quá hạn tính đến hết ngày 18/10/2019 là 50.801.772 đồng. Buộc bà Đặng Thị H phải trả Ngân hàng số tiền nợ gốc của hợp đồng tín dụng số LD1523000022 ngày 18/8/2015 là 81.253.000 đồng, số tiền lãi trong hạn là 41.000.000 đồng và số tiền lãi quá hạn là 8.659.725 đồng tính đến hết ngày 18/10/2019. Tổng số tiền mà bà Đặng Thị H phải trả cho Ngân hàng là 218.229.307 đồng.

Về án phí: Buộc bà Đặng Thị H phải nộp 10.911.465 đồng đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Quan hệ tranh chấp giữa Ngân hàng và bà Đặng Thị H là tranh chấp hợp đồng tín dụng. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự đây là loại vụ việc tranh chấp về hợp đồng dân sự, bị đơn cư trú tại khu dân cư số 6, phường P, thành phố Chí Linh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Hải Dương.

[1.2] Về thủ tục tố tụng: Bà Đặng Thị H là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà H.

[2] Về nội dung:

[2.1] Ngày 30/6/2015, bà Đặng Thị H được Ngân hàng cấp 01 thẻ tín dụng theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng đề ngày 28/5/2015 với hạn mức tín dụng là 35.000.000 đồng với mục đích để tiêu dùng. Lãi suất trong hạn là 2,5%/tháng, lãi suất quá hạn = 150% lãi suất trong hạn. Phương thức trả gốc và lãi: Thanh toán tối thiểu số tiền bằng 5% dư nợ vào ngày 30 hàng tháng.

Ngày 18/8/2015, bà Đặng Thị H và Ngân hàng ký hợp đồng tín dụng số LD1523000022 với các điều khoản cụ thể như sau: Bà H vay của Ngân hàng số tiền 100.000.000 đồng với mục đích để tiêu dùng. Thời hạn vay 48 tháng, lãi suất 1,0%/tháng, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Phương thức trả gốc và lãi: Tiền gốc và lãi được chia đều thành 48 kỳ trả nợ, mỗi kỳ là 01 tháng, số tiền trả

mỗi kỳ là 3.083.000 đồng, kỳ cuối là 3.099.000 đồng, kỳ trả nợ đầu tiên vào ngày 18/9/2015, các kỳ tiếp theo vào ngày 18 hàng tháng, kỳ cuối trả vào ngày 18/8/2019. Hình thức vay: Tín chấp, không có tài sản bảo đảm.

Xét việc giao kết các hợp đồng tín dụng nêu trên giữa hai bên đã đảm bảo đúng quy định của pháp luật về hình thức và nội dung nên là giao dịch hợp pháp, làm phát sinh quyền và giữa vụ giữa các bên.

[2.2] Trong quá trình thực hiện các hợp đồng, Ngân hàng đã giải ngân các khoản tiền vay cho bà H. Tính đến hết tháng 6/2016, bà H đã thanh toán trả Ngân hàng số tiền gốc và lãi theo thẻ tín dụng đã cấp là 15.301.000 đồng. Tính đến hết tháng 5/2016, bà H đã thanh toán trả Ngân hàng số tiền gốc là 18.747.000 đồng và 9.000.000 đồng tiền lãi theo hợp đồng tín dụng số LD1523000022 ngày 18/8/2015. Từ đó cho đến nay, bà H không thanh toán trả nợ cho Ngân hàng theo thỏa thuận. Việc chậm thanh toán của bà H đã vi phạm phương thức trả nợ được quy định tại Điều 22, Điều 23 của “Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng thương mại cổ phần S” có hiệu lực từ ngày 15/8/2014 và Điều 9 của Hợp đồng tín dụng, giấy nhận nợ số LD1523000022 ngày 18/8/2015. Do vậy, toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470 Bộ luật dân sự; Điều 90, Điều 91, Điều 95, Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng.

[2.3] Đối với số tiền lãi của các hợp đồng tín dụng tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 100.561.497 đồng. Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, Ngân hàng có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì phải trả lãi chậm trả theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự.

[3]. Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng được chấp nhận nên bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Trả lại Ngân hàng số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 90, Điều 91, Điều 95, Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng 2010; Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470, điểm b, khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Luật thi hành án dân sự; Luật phí, lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần S.

Buộc bà Đặng Thị H có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền 87.316.582 đồng theo thẻ tín dụng đã cấp. Trong đó, tiền nợ gốc là 36.514.810 đồng, tiền lãi tính đến hết ngày 18/10/2019 là 50.801.772 đồng.

Buộc bà Đặng Thị H có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền 130.912.725 đồng theo hợp đồng tín dụng LD1523000022 ngày 18/8/2015.

Trong đó, tiền nợ gốc là 81.253.000 đồng, tiền lãi tính đến hết ngày 18/10/2019 là 49.659.725 đồng (lãi trong hạn là 41.000.000 đồng, tiền lãi quá hạn là 8.659.725 đồng).

Tổng số tiền bà Đặng Thị H phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần S là 218.229.307 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày tuyên án sơ thẩm, bà Đặng Thị H còn phải tiếp tục trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần S khoản tiền lãi quá hạn trên số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số LD1523000022 ngày 18/8/2015 và Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng thương mại cổ phần S.

Đối với các khoản tiền lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 100.461.497 đồng. Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, Ngân hàng thương mại cổ phần S có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Đặng Thị H không trả thì phải trả lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Mức lãi suất chậm trả xác định theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự.

Về án phí: Bà Đặng Thị H phải nộp 10.911.465 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại Ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền 4.736.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2017/0001144 ngày 26/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Chí Linh (nay là thành phố Chí Linh), tỉnh Hải Dương.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự 2008, thì người được thi hành dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6 và 9 Luật thi hành án dân sự năm 2008 và điểm 4, điểm 5 Điều 1 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008.

Nơi nhận:

- VKSND TP. Chí Linh;
- Chi cục THADS TP. Chí Linh;
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Lâm